

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS- ST
Ngày: 30 - 11 - 2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Kiên
2. Ông Hoàng Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 30/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST- DS, ngày 21 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-DS ngày 13/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Địa chỉ: 266, 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Huy Phương - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Thanh Hóa.

Địa chỉ: 126, 128, 130 Nguyễn Trãi, P. Ba Đình, TP. Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phương:

Ông Hoàng Lê Thành; sinh năm: 1984

Chức vụ: Phó phòng giao dịch Bim Sơn, Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 73 Nguyễn Huệ, khu phố 2, P. Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Thành có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị X; Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Bà X vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2018 và trong bản tự khai ngày 26/6/2018, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 22/09/2016, Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1626600996 với bà Trịnh Thị X. Tổng mức tín dụng được cấp là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 13%/ năm và chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (nếu có), lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ (theo mẫu của Ngân hàng). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân VND, kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ cố định 5.5%/năm. Thời hạn vay là 48 tháng, số tiền gốc và lãi sẽ được trả làm 48 kỳ. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/10/2016, các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày 15 hàng tháng. Kỳ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn quy định tại hợp đồng. Số tiền gốc trả mỗi kỳ là 2.083.000đ. Số tiền gốc trả kỳ cuối là 2.099.000đ. Sau đó Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) cho bà Trịnh Thị X. Thời gian đầu bà X thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình tương đối đều đặn. Nhưng kể từ tháng 11 năm 2017, bà X đã không thanh toán nợ vay đúng hạn cho Ngân hàng, vi phạm lịch trả nợ trên hợp đồng tín dụng và các văn bản đã ký. Trong thời gian bà X quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với Nhà trường và gia đình bà X. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, khách hàng vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng và có biểu hiện chây ì. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giải quyết buộc bà Trịnh Thị X phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền mà bà X vay tại Ngân hàng tính đến ngày 28/05/2018 bao gồm tiền gốc còn lại là 72.921.000đ, lãi trong hợp đồng là 6.215.299đ, lãi quá hạn là 298.958đ. Tổng cộng là 79.435.187đ (Bảy mươi chín triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn một trăm tám mươi bảy đồng) và lãi phát sinh cho đến khi xét xử và tất toán khoản nợ theo lãi suất quy định.

Tại bản phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định số tiền bà Trịnh Thị X phải thanh toán đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (30/11/2018) là 85.808.371đ Trong đó nợ gốc là 72.921.000đ, lãi trong hợp đồng là 11.882.005đ và lãi quá hạn là 1.005.366đ

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Trịnh Thị X nhưng bà X đã rời khỏi địa phương từ cuối năm 2017, không rõ địa chỉ nên không thể tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bà X. Do đó trong hồ sơ vụ án không có lời khai của bà X.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Thạch Thành về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử

sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc bà Trịnh Thị X rời khỏi địa phương không thông báo cho chính quyền địa phương và phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ với nguyên đơn, đây được coi là cố tình giấu địa chỉ nên việc Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện VKSND đề nghị áp dụng Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 BLDS và đề nghị HĐXX chấp nhận tòa bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Trịnh Thị X phải trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số LD1626600996 ngày 22/9/2016 tính đến ngày 30/11/2018 là 85.808.371đ. Trong đó nợ gốc là 72.921.000đ, lãi trong hợp đồng là 11.882.005đ và lãi quá hạn là 1.005.366đ và phải tiếp tục chịu khoản lãi suất theo hợp đồng số LD1626600996 ngày 22/9/2016. Kể từ ngày 01/12/2018, bà Trịnh Thị X còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khoản tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng và bà Trịnh Thị X đang tranh chấp về “Hợp đồng tín dụng” do bà X vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 28 BLTTDS thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Trịnh Thị X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 4, thị trấn Vân Du, Thạch Thành, Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Bà Trịnh Thị X đã rời khỏi địa phương từ cuối năm 2017 đến nay không rõ địa chỉ. Việc bà X thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho chính quyền địa phương cũng như không thông báo địa chỉ mới cho phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ đối với phía nguyên đơn. Theo quy định tại điểm e Điều 192 BLTTDS, Điều 6 nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bà Trịnh Thị X nhưng nguyên đơn không thể xác định được địa chỉ mới của bà X và đã có văn bản đề nghị Tòa án hỗ trợ về việc giao gửi tài liệu cho bị đơn theo khoản 9 Điều 70 của BLTTDS. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần thứ hai nhưng bà Trịnh Thị X vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bà X và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà X theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ bà X đến phiên hoà giải hai lần nhưng bà X đều không đến để tham gia hoà giải, nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Toà án cũng đã triệu tập họp lệ bà X đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng bà X vắng mặt không có lý do; căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt bà X.

[2] Về yêu cầu khởi kiện đòi trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng: Theo hợp đồng tín dụng số LD1626600996 ngày 22/9/2016 mà đại diện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, việc ký kết hợp đồng giữa bà Trịnh Thị X và Ngân hàng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, phần cuối hợp đồng có chữ ký của người vay tiền là bà Trịnh Thị X và có chữ ký và đóng dấu của bên phía Ngân hàng. Nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên là hợp đồng hợp pháp.

Trong hợp đồng tín dụng số LD1626600996 ngày 22/9/2016, bà Trịnh Thị X có vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 13%/ năm và chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (nếu có), lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ (theo mẫu của Ngân hàng). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ cố định 5.5%/năm. Thời hạn vay là 48 tháng, số tiền gốc và lãi sẽ được trả làm 48 kỳ. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/10/2016, các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày 15 hàng tháng. Kỳ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn quy định tại Hợp đồng này. Số tiền gốc trả mỗi kỳ là 2.083.000đ. Số tiền gốc trả kỳ cuối là 2.099.000đ.

Tại Điều 6 trong phụ lục của hợp đồng mà các bên đã ký kết “*vào bất cứ thời điểm nào, Ngân hàng có quyền khởi kiện nếu người vay không trả được một phần hoặc toàn bộ nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan)*”. Trong sổ giao dịch giữa bà Xuân và Ngân hàng mà phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án (BL số 85, 86) đã thể hiện bà X chỉ trả nợ cho Ngân hàng từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 10 năm 2017 là 13 tháng, sau đó không tiếp tục trả nợ nữa. Như vậy, phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà X phải có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền gốc còn lại và lãi phát sinh là có căn cứ. Cũng trong sổ giao dịch nói trên thể hiện bà X đã trả cho phía Ngân hàng số tiền gốc là 2.083.000đ x 13 tháng = 27.079.000đ. Như vậy, phía

nguyên đơn yêu cầu bà X phải thanh toán số tiền gốc còn lại là 72.921.000đ và yêu cầu bà X phải trả lãi trong hợp đồng là 11.882.005đ và lãi quá hạn là 1.005.366đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và các Điều 357, 463, 466, 468 BLDS 2015.

[3] Về việc yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc từ sau ngày xét xử sơ thẩm (30/11/2018) cho đến khi bà X thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ: Theo án lệ số 08/2016/AL được lựa chọn từ Quyết định Giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT, ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 689/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”*.

Như vậy, theo án lệ số 08/2016/AL thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/11/2018), bà X còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc. Lãi suất mà bà X phải thanh toán sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng.

[5] Đối với số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.887.371đ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 BLTTDS. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1. Buộc bà Trịnh Thị X phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền tính đến ngày 30/11/2018 là 85.808.371đ (Tám mươi lăm triệu tám trăm linh tám nghìn ba trăm bảy mươi một đồng). Trong đó nợ gốc là 72.921.000đ (Bảy mươi hai triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng), lãi trong hợp đồng là 11.882.005đ (Mười một triệu tám trăm tám mươi hai nghìn không trăm linh năm đồng) và lãi quá hạn là 1.005.366đ (Một triệu không trăm linh năm nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 01/12/2018, bà Trịnh Thị X còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khoản tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Đối với số tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.887.371đ (Mười hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi một đồng), sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án xong, thì hàng tháng bà X còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị X phải chịu 4.290.400đ (Bốn triệu hai trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền là 1.985.000đ (Một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003353 ngày 21/6/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Anh Đức

